

# Dịch thuật và tiếp nhận tiểu thuyết đương đại Trung Quốc ở Việt Nam sau Đổi mới<sup>1</sup>

Nguyễn Thị Thúy Hạnh<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết khảo sát quá trình dịch thuật và tiếp nhận tiểu thuyết đương đại Trung Quốc tại Việt Nam kể từ sau công cuộc Đổi mới (1986) trong mối liên hệ giữa chính sách văn hóa, bối cảnh xã hội và thị trường xuất bản. Trên cơ sở tiếp cận dịch thuật như một thực hành liên văn hóa, bài viết phân tích ba phương diện chính này; từ đó chỉ ra hoạt động dịch thuật tiểu thuyết Trung Quốc phản ánh những chuyển biến trong quan hệ ngoại giao văn hóa giữa Việt Nam - Trung Quốc, gắn liền với tác động của toàn cầu hóa, sự đổi mới cơ chế xuất bản và sự thay đổi thị hiếu thẩm mỹ của độc giả Việt Nam thời kỳ mới. Quá trình dịch thuật và tiếp nhận tiểu thuyết văn học Trung Quốc đương đại cho thấy sự điều chỉnh linh hoạt nhằm thích ứng với bối cảnh bản địa, đồng thời góp phần tái cấu trúc nền văn học Việt Nam theo hướng hiện đại hóa.

**Từ khóa:** Tiểu thuyết đương đại Trung Quốc, Dịch thuật, Tiếp nhận, Đổi mới

**Abstract:** This article examines the translation and reception of contemporary Chinese novels in Vietnam since the Đổi mới (Renovation) of 1986, in the relation to cultural policy, social context, and the publishing market. Approaching translation as an intercultural practice, the study analyzes these three main aspects; thereby indicating how the translation of Chinese novels reflects changes in cultural diplomacy between Vietnam and China, linked to the impact of globalization, the innovation of publishing mechanism, and the changing aesthetic tastes of Vietnamese readers in the new era. The processes of translation and reception of contemporary Chinese literature demonstrates a flexible adaptation to local contexts while contributing to the restructuring of Vietnamese literature towards modernization.

**Keywords:** Contemporary Chinese Novels, Translation, Reception, Renovation

Ngày nhận bài: 30/12/2025; Ngày duyệt đăng: 28/01/2026

## 1. Mở đầu

Trong tiến trình hình thành và phát triển văn học Việt Nam, ảnh hưởng của văn

học Trung Quốc luôn là một dòng chảy sâu rộng, bền bỉ. Việc tiếp nhận văn học Trung Quốc tại Việt Nam là một quá trình mang tính lịch sử lâu dài, khởi phát từ thời Bắc thuộc và tiếp tục biến chuyển qua nhiều giai đoạn ở thời kỳ hiện đại, đặc biệt trong suốt thế kỷ XX với những biến động xã hội sâu sắc (Nguyễn Văn Hiệu, 2000; 裴氏翠芳, 2012; Nguyễn Thu Hiền, 2014). Ngoại trừ giai đoạn bị gián đoạn trong những năm 1970-1980 do căng thẳng chính trị giữa

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Giao lưu văn học Việt Nam và thế giới giai đoạn 40 năm Đổi mới (1986-2026)”, do TS. Nguyễn Phương Thảo chủ nhiệm, Viện Văn học chủ trì, thực hiện năm 2025-2026.

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Nghiên cứu Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: nguyenthuyhanhsp@gmail.com

hai quốc gia, kể từ sau Đổi mới năm 1986, văn học Trung Quốc đương đại (chỉ những hiện tượng văn học ra đời trong khoảng thời gian từ năm 1949 - tức năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đến nay) đã tái lập vị thế một cách mạnh mẽ trong đời sống xuất bản tại Việt Nam. Một làn sóng tiếp nhận mới định hình, không chỉ gia tăng về quy mô mà còn mở rộng về chiều sâu, thể hiện rõ qua sự hiện diện nổi bật của các nhà văn như Trương Hiền Lương, Phùng Ký Tài, Vương Mông, Giả Bình Ao, Mạc Ngôn, Du Hoa, Diêm Liên Khoa, Tàn Tuyết, Trương Vỹ, Vương An Úc, Lý Nhuệ, Thiết Ngung, Hàn Thiếu Công, Lưu Chân Vân, Tô Đồng,... cùng với sự phổ biến rộng rãi của các dòng tiểu thuyết ngôn tình, trinh thám, giả tưởng trong cộng đồng độc giả Việt Nam. Hoạt động dịch thuật được nhìn nhận như một thực hành đa tầng, nằm trong hệ sinh thái của các thiết chế chính trị, văn hóa, truyền thông và độc giả, trong đó bản dịch không chỉ “chuyển tải” nội dung của tác phẩm gốc mà còn tham gia vào quá trình tái cấu trúc hệ thống văn học (Even-Zohar, 1990). Cách nhìn này đã mở rộng biên giới nghiên cứu dịch thuật vượt ra khỏi văn bản và hành vi dịch, hướng đến phân tích hoạt động dịch thuật trong hệ thống giao tiếp liên văn hóa (Tianzhen, 2017; Anthony, 2016).

Từ nền tảng đó, bài viết tập trung phân tích ba khía cạnh cốt lõi của quá trình dịch thuật và tiếp nhận tiểu thuyết Trung Quốc tại Việt Nam sau Đổi mới năm 1986 đến nay: (1) Chính sách văn hóa và môi trường dịch thuật tại Việt Nam sau Đổi mới; (2) Vai trò của các nhân tố trung gian (như dịch giả, nhà xuất bản và truyền thông); (3) Thị trường độc giả và những biến đổi trong tiếp nhận. Qua đó, bài viết nhấn mạnh rằng dịch thuật không chỉ là một thao tác chuyển ngữ của riêng dịch giả, mà còn là mắt xích trung tâm thuộc về chuỗi vận

động phức hợp của chính sách văn hóa, truyền thông và tiếp nhận trong xã hội Việt Nam đương đại.

## **2. Chính sách văn hóa và môi trường dịch thuật tại Việt Nam sau Đổi mới**

Sau năm 1986, Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, trong đó việc mở cửa văn hóa trở thành một trọng tâm quan trọng của chiến lược hội nhập quốc tế. Chỉ sau thời điểm Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa 7 năm, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 12/1986 đã đưa ra đường lối “Đổi mới” toàn diện đất nước, tiến hành trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có văn học. Từ thời điểm này, nhất là từ đầu thập niên 1990 trở đi, sau khi Liên bang Xô Viết sụp đổ, ở Việt Nam bắt đầu có sự tiếp thu cởi mở lý luận phê bình Âu - Mỹ và cả các trường phái lý thuyết đã từng bị chỉ trích (như Trường phái hình thức Nga, Ký hiệu học văn hóa của trường phái Tartu - Moskva). Trong khi đó, hệ hình lý luận và sáng tác văn học lấy phản ánh luận mác xít, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa và giai cấp luận làm điểm tựa không còn chiếm vị thế ưu thắng. Cũng tương tự tình hình ở Trung Quốc sau năm 1979, công cuộc đổi mới văn nghệ được khởi động tại Việt Nam từ năm 1986 trên các diễn đàn học thuật và cả thực tiễn sáng tác. Không khó để thấy, từ năm 1986 đến nay, công tác dịch thuật và tiếp nhận văn nghệ nước ngoài, trong đó có văn học Trung Quốc đương đại, vào Việt Nam diễn ra vô cùng sôi nổi, đặc điểm này phù hợp và cũng là xu hướng tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa (Lã Nguyên, 2015). Dịch thuật văn học không chỉ còn là phương tiện phục vụ nhu cầu đọc và thưởng thức văn chương đơn thuần, mà đã dần trở thành một công cụ giao lưu văn hóa, một hình thức tiếp biến tri thức, và là một yếu tố góp phần tác động đến việc tái cấu trúc tư duy thẩm mỹ trong một xã hội đang chuyển mình mạnh mẽ.

Kể từ sau Đại hội VI đến nay, một số văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước đã gián tiếp tạo ra hành lang pháp lý và định hướng chính sách cho hoạt động xuất bản, dịch thuật và quảng bá văn học nước ngoài tại Việt Nam. Đặc biệt là các Nghị quyết Trung ương như: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030” (ban hành kèm theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Những văn kiện này nhấn mạnh đến vai trò của việc nâng cao năng lực tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại, thúc đẩy hội nhập quốc tế, phát triển ngành công nghiệp văn hóa thông qua hoạt động xuất bản, truyền thông, dịch thuật. Trên cơ sở đó, sự nói lỏng kiểm duyệt và mở rộng không gian xuất bản đã tạo tiền đề cho việc khôi phục và phát triển các kênh tiếp nhận văn học nước ngoài. Đây là thời kỳ chứng kiến sự chuyển dịch mô hình tiếp nhận từ định hướng ý thức hệ (đặc trưng cho giai đoạn trước Đổi mới) sang một mô hình linh hoạt, đa chiều hơn. Đồng thời, môi trường dịch thuật tại Việt Nam sau Đổi mới cũng chứng kiến sự thay đổi trong cấu trúc vận hành và tính chất thị trường. Nếu trước kia, hoạt động dịch thuật chủ yếu được thực hiện bởi các nhà xuất bản nhà nước mang tính định hướng, thì từ thập niên 1990 trở đi, đặc biệt là sau khi Luật Xuất bản được ban hành (1993) và điều chỉnh (năm 2004, 2008 và 2012), khu vực xuất bản tư nhân liên kết với Nhà nước đã đóng vai trò ngày càng quan trọng. Điều này dẫn đến sự gia tăng mạnh mẽ số lượng dịch phẩm, sự đa dạng trong lựa chọn tác giả, thể loại, cũng như cách tiếp cận văn hóa. Những yếu tố như thị hiếu độc giả, hiệu ứng truyền thông và năng lực cá nhân

của dịch giả bắt đầu ảnh hưởng sâu sắc đến việc lựa chọn, tiếp nhận các tác phẩm dịch. Từ đó, dịch thuật trở thành một mắt xích quan trọng trong chiến lược văn hóa, phục vụ tích cực cho công cuộc hiện đại hóa nền văn học dân tộc.

Đặc biệt, từ năm 1989 trở đi, quan hệ ngoại giao Trung - Việt trở nên tích cực hơn khi Liên Xô và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao - điều này cũng thúc đẩy Việt Nam tìm kiếm giải pháp bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Chủ trương này thể hiện rõ trong Văn kiện Đại hội VI của Đảng: “Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019: 105). Sự bình thường hóa quan hệ giữa hai nước từ năm 1989, cùng với việc Việt Nam thực hiện chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa, hội nhập khu vực và quốc tế trong đường lối ngoại giao, đã tạo môi trường thuận lợi để tái thiết lập cầu nối văn hóa giữa hai nước thông qua văn học dịch. Ở chiều ngược lại, văn học Trung Quốc đương đại cũng được thúc đẩy bởi chính sách “vươn ra ngoài” (走出去战略) - một chiến lược quốc gia nhằm quốc tế hóa văn học Trung Quốc. Vì vậy, hoạt động dịch và xuất bản văn học Trung Quốc trong bối cảnh hậu Đổi mới được xem như một mắt xích trong chính sách phát triển quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia.

Nhìn chung, chính sách văn hóa và môi trường dịch thuật tại Việt Nam sau Đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi để văn học Trung Quốc đương đại, với nhiều xu hướng phức tạp và đa dạng, có cơ hội được tiếp cận công chúng Việt Nam một cách sâu rộng. Quá trình này diễn ra không tách rời chiến lược văn hóa của hai quốc gia cũng như bối cảnh chuyển đổi của hệ hình văn học trong nước. Việc lựa chọn dịch tác phẩm

phản ánh nhu cầu cải cách, định hướng lại giá trị và hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Sự dịch chuyển từ mô hình tiếp nhận mang tính định hướng sang mô hình tiếp nhận mang tính cởi mở, đa chiều hơn, đồng thời vẫn chịu ảnh hưởng của cơ chế kiểm duyệt - là đặc trưng của dịch thuật văn học trong thời kỳ hậu Đổi mới. Trong đó, tiểu thuyết đương đại Trung Quốc được dịch sang tiếng Việt đã trở thành một hiện tượng mang tính “giao thoa văn hóa” mà qua đó người dịch, nhà xuất bản và độc giả cùng tham gia kiến tạo nên những diễn ngôn mới, góp phần làm phong phú thêm diện mạo của văn học đương đại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

### 3. Vai trò của các nhân tố trung gian

Trong tiến trình lưu hành và tiếp nhận văn học nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động dịch thuật không tồn tại trong trạng thái tự trị mà luôn gắn liền với sự tham gia và điều phối của nhiều tác nhân trung gian. Các bản dịch không tự “lưu thông”, mà luôn cần đến những “môi giới dịch thuật” (translation mediators) - tức những cá nhân, nhóm hoặc tổ chức giữ vai trò trung gian trong việc lựa chọn, chuyển ngữ và phổ biến văn bản văn học giữa các nền văn hóa.

Đặc biệt, việc đánh giá vai trò của người dịch như một “trung gian văn hóa” (cultural mediator) giữa người viết và người đọc, cũng như giữa các nền văn hóa đã trở thành một trong những hướng tiếp cận trung tâm của ngành dịch thuật học đương đại. Không còn bị xem là “tàng hình” (invisible) - một thuật ngữ của Lawrence Venuti (1995) - nhằm chỉ tính chất bị coi là “thứ yếu” của người dịch, dịch giả ngày càng được nhìn nhận như chủ thể có khả năng can thiệp và cần được nghiên cứu như một tác nhân dẫn giải liên văn hóa. Họ không chỉ là người chuyên ngữ mà còn đảm bảo thành công trong việc giao tiếp giữa các nền văn

hóa, tạo ra bản dịch phù hợp với văn hóa đích (Laetitia và cộng sự, 2006; Tianzhen, 2017). Sự thay đổi trong cách nhìn nhận về vai trò của người dịch như một chủ thể giao tiếp liên văn hóa như trên không chỉ hiện diện trong nghiên cứu học thuật, mà còn được phản ánh rõ nét khi soi chiếu vào thực tiễn dịch thuật văn học Trung Quốc tại Việt Nam sau Đổi mới. Chính sách mở cửa từ năm 1986 tạo điều kiện cho các nhà xuất bản trong nước khôi phục các mối quan hệ hợp tác với giới học thuật và xuất bản quốc tế, đặc biệt là với Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, các dịch giả trở thành một lực lượng quan trọng trong việc kết nối giữa hai nền văn hóa. Các hoạt động dịch thuật mà họ tiến hành đã mang đến nhiều điều mới mẻ cho lịch sử văn học dịch của Việt Nam và phác họa cho độc giả Việt Nam một bức tranh văn học Trung Quốc sống động. Nhiều dịch giả từng du học tại Trung Quốc và có hiểu biết sâu sắc về nền văn hóa này giữ vai trò “môi giới kép” trong hoạt động dịch thuật: họ vừa lựa chọn tác phẩm để dịch, vừa định hướng khung tiếp nhận cho độc giả Việt qua lời giới thiệu, chú giải, hoặc thông qua các bài phê bình đăng tải trên các tạp chí văn nghệ có ảnh hưởng (như Phan Văn Các, Phạm Tú Châu, Trần Đình Hiến...). Từ thập niên đầu của thế kỷ XX đến nay, bên cạnh các dịch giả “gạo cội” sinh vào thập niên 1930-1940, trong lĩnh vực dịch thuật văn học Trung Quốc đã xuất hiện một thế hệ dịch giả mới sinh vào khoảng thập niên 1970-1980 như: Châu Hải Đường, Nguyễn Lê Chi, Lục Hương, Đỗ Văn Hiếu, Nguyễn Thị Minh Thương, Tô Hinh, Nguyễn Vinh Chi... Nhìn chung, đội ngũ dịch giả văn học Trung Quốc ngày càng được chuyên nghiệp hóa. Không chỉ giữ vai trò là người chuyên ngữ, nhiều dịch giả trong số họ còn chủ động tham gia vào việc xây dựng diện mạo văn học Trung Quốc tại Việt Nam thông qua nhiều hình

thức như tuyển chọn tác phẩm, viết lời giới thiệu mang tính định hướng, dịch các công trình phê bình văn học Trung Quốc đương đại, hoặc tham gia những chương trình giao lưu học thuật. Qua đó thấy rằng, vai trò của dịch giả Việt Nam ở giai đoạn mới có thể xem như những tác nhân kiến tạo văn hóa trong môi trường dịch thuật xuyên quốc gia<sup>1</sup>.

Trong cấu trúc liên kết các tác nhân tham gia vào hoạt động dịch thuật, ngoài vai trò quan trọng của người dịch, nhà xuất bản cũng giữ một vị trí đặc biệt với tư cách là thiết chế tổ chức và điều phối việc lựa chọn, xuất bản và phân phối bản dịch. Các nhà xuất bản được xem như một thiết chế trung gian, đóng vai trò quan trọng trong quá trình hợp pháp hóa các sản phẩm văn học - tức là họ không chỉ đưa sách ra thị trường, mà còn góp phần xác lập tính chính danh và vị thế văn hóa cho các bản dịch. Các nhà xuất bản trở thành một phần của lĩnh vực sản xuất văn học, bao gồm quá trình sản xuất, lưu hành và tiêu thụ tác phẩm. Ở Việt Nam, từ cuối thập niên 1980 đến đầu thập niên 2000, những đơn vị xuất bản như Nhà xuất bản Văn học, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Nhà xuất bản Phụ nữ, Nhà xuất bản Lao động... là nơi quy tụ nhiều bản dịch tiểu thuyết Trung Quốc đương đại tiêu biểu. Cùng với đó, sự xuất hiện của các đơn vị tư nhân liên kết như Nhã Nam, Đông A, Bách Việt, Thái Hà... đã mở rộng không gian xuất bản, đồng thời đưa văn học dịch đến gần hơn với thị trường đại chúng. Các nhà xuất bản đóng vai trò như một mắt xích không thể thiếu trong hệ sinh thái liên văn hóa giữa tác giả, dịch giả và độc giả. Cùng với

dịch giả, họ lựa chọn, dịch và phổ biến các tác phẩm văn học nước ngoài với nhiều chủ đề, phong cách, bối cảnh lịch sử khác nhau nhằm “làm phong phú thêm kho tàng văn hóa dân tộc, góp phần vào sự đa dạng và phát triển của nền văn hóa Việt Nam” (Lê Thị Phương Nga & Phạm Văn Phê, 2025). Nhiều tiểu thuyết giàu tính sáng tạo về mặt hình thức, đạt được bề sâu và chiều rộng trong việc phản ánh bản chất con người và hiện thực lịch sử Trung Quốc như *Sống* (Dư Hoa, 1992), *Phế đô* (Giả Bình Ao, 1993), *Báu vật của đời* (Mạc Ngôn, 1995), *Trường hận ca* (Vương An Úc, 1996), *Từ điển Mã Kiều* (Hàn Thiếu Công, 1997), *Bụi trần lắng đọng* (A Lai, 1998), *Đình trang mộng* (Diêm Liên Khoa, 2006)... đã được dịch và giới thiệu rộng rãi ở Việt Nam. Có thể nói, hầu như tất cả những tác phẩm được xem là thành tựu của tiểu thuyết Trung Quốc giai đoạn hậu Cải cách mở cửa đều đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt. Không ít tác phẩm trong số đó đã được đưa vào chương trình giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học. Điều này thể hiện sự nhạy bén của các dịch giả và nhà xuất bản tại Việt Nam cũng như tính linh hoạt của thiết chế văn hóa trong việc nắm bắt xu thế chuyển động của văn học Trung Quốc. Sự xuất hiện của các tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ mới cũng tích cực thúc đẩy quá trình đổi mới và hiện đại hóa sáng tác của văn học Việt Nam để bắt kịp với sự chuyển động của văn học thế giới.

Bên cạnh đó, truyền thông đại chúng và báo chí văn hóa - văn nghệ (như *Văn nghệ*, *Người Đô thị*, *Tuổi Trẻ Cuối Tuần*, *Thể thao & Văn hóa*, *Văn nghệ Quân đội*...) cũng đóng vai trò đặc lực trong việc xây dựng một diện mạo văn học Trung Quốc đương đại tại Việt Nam thông qua hoạt động điểm sách, phỏng vấn tác giả/dịch giả, chuyên đề giới thiệu dòng sách Trung Quốc đương đại. Chính qua những

<sup>1</sup> Sự kiện Hội Nhà văn Trung Quốc trao tặng danh hiệu “Friend of Chinese Literature” (Người bạn của văn học Trung Quốc) cho dịch giả Nguyễn Lê Chi vào năm 2025 là một ví dụ (Theo: <https://vietnamnet.vn/en/translator-nguyen-le-chi-awarded-friend-of-chinese-literature-title-2424508.html>).

hoạt động này, văn học Trung Quốc đương đại trong hình dung của độc giả Việt Nam trở nên rõ nét, sâu sắc hơn. Mặt khác, trong hệ sinh thái truyền thông số hiện nay, các nền tảng mạng xã hội và diễn đàn đọc sách trên Goodreads, Facebook, BookTok, hoặc các website như Trạm Đọc, Waka.vn... đã trở thành không gian tương tác mới giữa dịch giả, độc giả và nhà xuất bản. Trong đó, những độc giả chủ động (active readers) không chỉ là người tiêu thụ sách dịch mà còn tham gia kiến tạo diễn ngôn về bản dịch, họ đánh giá, so sánh, kiến nghị, thậm chí hiệu chỉnh bản dịch. Chính những độc giả này đã và đang góp phần thay đổi cách thức tiếp nhận văn học dịch theo chiều hướng dân chủ hóa và phân mảnh hơn.

Nhìn chung, kể từ sau Đổi mới, dịch thuật đã tiếp tục nhiệm vụ quan trọng của nó trong việc thúc đẩy sự cách tân và định hình diện mạo văn học Việt Nam đương đại. Quan sát sự mở rộng phong phú của tình hình dịch thuật văn học nước ngoài ở Việt Nam những năm gần đây, có thể thấy văn học dịch, trong đó có văn học dịch Trung Quốc, đang là “một hệ thống hoạt động tích cực nhất” - theo cách nói của Even Zohar (1990: 46) - trong đa hệ thống văn học. Những tác nhân trung gian như dịch giả, nhà xuất bản, truyền thông đã đề cập ở trên có vai trò then chốt trong việc đưa văn học dịch từ vị trí ngoại vi vào trung tâm. Theo thống kê, vào năm 2020, trong số 59 nhà xuất bản và hàng trăm công ty sách khác nhau, nhiều công ty, nhà xuất bản có số lượng sách dịch chiếm hơn 50%; thậm chí có đơn vị có sách dịch chiếm tới 80%<sup>1</sup>. Việc một tỷ lệ lớn sách dịch được xuất bản mỗi năm phản ánh

không chỉ nhu cầu thị trường, mà còn là kết quả của một mạng lưới phức hợp, bao gồm sự phối hợp giữa các dịch giả, nhà xuất bản và truyền thông nhằm lựa chọn, giới thiệu văn học thế giới tới độc giả. Trong tiến trình ấy, văn học Trung Quốc nổi bật như một nguồn tài nguyên vừa gần gũi về mặt văn hóa, vừa mang tính đối chiếu về mặt nhận thức xã hội, thẩm mỹ và tư tưởng cho độc giả Việt Nam.

#### **4. Thị hiếu độc giả và những biến đổi trong tiếp nhận**

Sau Đổi mới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thị trường sách ở Việt Nam cũng chứng kiến những chuyển biến sâu sắc, đặc biệt là trong cơ cấu độc giả và thị hiếu thẩm mỹ. Sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp thị dân trẻ tuổi, sự phổ cập công nghệ số và truyền thông mạng xã hội, cùng với quá trình toàn cầu hóa văn hóa đã làm thay đổi căn bản cách thức tiếp nhận văn học nước ngoài, bao gồm cả văn học Trung Quốc.

Tiếp nối mạch tiểu thuyết hiện thực mang tính phản tư xã hội được dịch ở Việt Nam giai đoạn cuối thập niên 1980 đến đầu thập niên 2000 (như *Một nửa đàn ông là đàn bà*, *Phế đô*, *Sống...*), từ năm 2000 đến nay, dòng tiểu thuyết này tiếp tục được dịch ở Việt Nam, có thể kể đến các tác phẩm như: *Kiên ngành như thủy*, *Tứ thư*, *Đình trang mộng* của Diêm Liên Khoa, *Phồn hoa* của Kim Vũ Trùng, *Gia tộc* của Trương Vỹ, *Ngày thứ bảy* của Dư Hoa... Những tác phẩm này không chỉ mang lại góc nhìn về một xã hội đang chuyển mình mà còn đặt ra những câu hỏi về lịch sử, thân phận, ký ức - những vấn đề mang tính liên văn hóa và dễ gây cộng hưởng trong bối cảnh xã hội Việt Nam cũng đang ở vào giai đoạn chuyển hóa sâu sắc. Mặt khác, tương tự việc dịch và xuất bản các tác phẩm văn học nước ngoài thuộc các ngôn ngữ khác,

<sup>1</sup> Theo: <https://nxb.neu.edu.vn/vi/tin-tuc-1602/khan-hiem-dich-gia-gioi>

việc dịch và giới thiệu văn học Trung Quốc cũng chịu tác động bởi vị thế và tầm ảnh hưởng của nhà văn. Các tác phẩm đã đạt giải thưởng danh giá tầm quốc tế như giải Nobel, giải Man Booker hoặc giải thưởng quốc nội như Giải thưởng văn học Lỗ Tấn, Giải thưởng văn học Mao Thuần đã trở thành - tuy không phải tất cả - một trong những tiêu chí quan trọng để được lựa chọn dịch sang tiếng Việt, và đây cũng là “yếu tố bá quyền” (hegemonic factor) (Susanne và cộng sự, 2022: 4) trong quá trình tiếp nhận sau đó. Giải thưởng văn học đóng vai trò là cơ chế mạnh mẽ giúp xác nhận chất lượng tác phẩm, thu hút rộng rãi sự chú ý của công chúng, tác động đến các nhà xuất bản và giới phê bình. Hầu hết những tác giả văn học đương đại Trung Quốc như Mạc Ngôn, Diêm Liên Khoa, Tàn Tuyết, Dư Hoa... từng nhận hoặc lọt vào danh sách đề cử của những giải thưởng văn học uy tín trên thế giới đã trở thành tên tuổi được ngành xuất bản Việt Nam săn đón và trở thành đối tượng được quan tâm của đông đảo độc giả và giới nghiên cứu tại Việt Nam. Không chỉ phổ biến trong cộng đồng đọc, tác phẩm của họ cũng trở thành đối tượng của việc dịch tiếp và dịch lại.

Bên cạnh đó, thị hiếu tiếp nhận dân mở rộng sang các dòng văn học đại chúng, đặc biệt ở thể loại ngôn tình, trinh thám, võ hiệp và giả tưởng. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, Lương Vũ Sinh, Cổ Long, tiểu thuyết ngôn tình của Quỳnh Dao, tiểu thuyết được xếp vào dòng văn học linglei của Vệ Tuệ, An Ni Bảo Bối, Xuân Thụ, tiểu thuyết giả tưởng của Lưu Từ Hân, Mã Bá Dung... đã thu hút một lượng lớn độc giả Việt. Những thể loại này không chỉ đáp ứng nhu cầu giải trí của lớp độc giả đại chúng, mà còn góp phần tác động đến nhận thức về tình yêu, giới tính, quan hệ xã hội cũng như lý tưởng cá nhân trong tâm thức một bộ phận người

trẻ Việt Nam. Từ đó, văn học Trung Quốc đương đại đã trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống đọc của người Việt, đặc biệt khi không gian số hóa ngày càng phát triển. Tầng lớp độc giả trẻ thành thị, đặc biệt là lớp thanh niên sinh sau năm 2000, trở thành lực lượng chủ chốt trong việc tạo lập không gian tiêu dùng văn học mới này. Họ là thế hệ trưởng thành trong thời đại Internet, có khả năng tiếp cận đồng thời nhiều nguồn văn hóa khác nhau (Hàn Quốc, Nhật Bản, Âu-Mỹ, Trung Quốc,...). Thêm nữa, sự xuất hiện của nền tảng đọc truyện trực tuyến và các nhóm dịch phi chính thống (fan translation) đã phần nào làm biến đổi cấu trúc truyền thống của việc đọc và tiếp nhận văn học dịch. Thậm chí có ý kiến cho rằng, có đến khoảng 80% các công ty sách xem mạng Internet - bao gồm chủ yếu là các diễn đàn đọc/dịch (forum) - như một kênh tham khảo để lựa chọn bản thảo xuất bản (Lam Điền, 2015). Quá trình “tiêu thụ” văn học Trung Quốc không chỉ nằm trong khuôn khổ của thiết chế xuất bản chính thống mà chuyển sang các hình thức phân phối linh hoạt, phi tập trung hơn. Điều này cho thấy văn học Trung Quốc tại Việt Nam không chỉ hiện diện như một dòng văn học ngoại lai mà đã thực sự bám rễ vào đời sống văn hóa bản địa, đồng thời góp phần hình thành những cộng đồng đọc đa dạng, năng động và linh hoạt.

## 5. Kết luận

Nhìn chung, việc dịch thuật và tiếp nhận văn học nước ngoài luôn nằm trong chiến lược văn hóa của quốc gia, phục vụ nhu cầu tái cấu trúc bản sắc và hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Việc dịch thuật và tiếp nhận văn học Trung Quốc đương đại tại Việt Nam không chỉ phản ánh những chuyển động trong quan hệ ngoại giao văn hóa giữa hai nước mà còn biểu hiện rõ nét cho quá trình toàn cầu hóa trong lĩnh vực

văn học và tiêu dùng văn hóa tại Việt Nam sau năm 1986. Dưới tác động của chính sách Đổi mới, nhu cầu hiện đại hóa nền văn học dân tộc, sự chuyển biến của môi trường xuất bản và thị hiếu thẩm mỹ của độc giả, văn học Trung Quốc đương đại đã từng bước được dịch và tiếp nhận phù hợp với bối cảnh bản địa. Quá trình dịch thuật và tiếp nhận này, vì thế, là một lăng kính quan trọng để khảo sát mối quan hệ giữa văn học và các yếu tố khác, góp phần khắc họa bản đồ văn học Trung Quốc tại Việt Nam như một không gian năng động, linh hoạt trong hệ thống văn học dân tộc □

### Tài liệu tham khảo

1. Anthony, J. Liddicoat (2016), “Translation as intercultural mediation: setting the scene”, *Perspectives, Studies in Translation Theory and Practice*, Volume 24, 2016 - Issue 3, pp. 347-353.
2. Phan Văn Các & Trịnh Trung Hiếu (1989), Lời nói đầu bản dịch *Một nửa đàn ông là đàn bà* (tác giả: Trương Hiền Lương), Nxb. Lao động, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - phần 1 (Đại hội VI, VII, VIII, XIX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Lam Điền (2015), “Sách Trung Quốc: lo từ online đến sách in”, *Tuổi trẻ* ngày 08/7, <https://tuoitre.vn/sach-trung-quoc-lo-tu-online-den-sach-in-774108.htm>
5. Even-Zohar, Itamar (1990), “The position of translated literature within the literary polysystem”, *Poetics Today* 11(1), pp. 45-51.
6. Nguyễn Thu Hiền (2014), “Dịch thuật văn học Trung Quốc thế kỷ 20 ở Việt Nam từ góc nhìn văn học sử”, Hội thảo *Dịch văn học, những vấn đề lý thuyết và bài học kinh nghiệm*, ngày 27-28/10/2014, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Hiệu (2000), “Quan hệ và tiếp nhận văn học Trung Quốc ở Việt Nam đầu thế kỉ XX”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (45), tr. 9-15.
8. Laetitia, Bedeker & Ilse, Feinauer (2006), “The Translator as Mediator of Cultures”, *Southern African Linguistics and Applied Language Studies*, Volume 24, Issue 2, pp. 133-141.
9. Lawrence, Venuti (1995), *The Translator's Invisibility: A History of Translation*, Routledge.
10. Lê Thị Phương Nga & Phạm Văn Phê (2025), “Nâng cao chất lượng xuất bản sách dịch ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 596, tháng 2, <http://vanhoanghethuat.vn/nang-cao-chat-luong-xuat-ban-sach-dich-o-viet-nam-hien-nay.htm>
11. Lã Nguyên (2015), *Tổng quan về sự tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài vào Việt Nam từ 1986 đến nay*, [https://vanviet.info/nguyen-cuu-phe-binh/tong-quan-ve-su-tiep-nhan-tu-tuong-van-nghe-nuoc-ngoai-vo-viet-nam-tu-1986-den-nay/#\\_ftnref7\\_5719](https://vanviet.info/nguyen-cuu-phe-binh/tong-quan-ve-su-tiep-nhan-tu-tuong-van-nghe-nuoc-ngoai-vo-viet-nam-tu-1986-den-nay/#_ftnref7_5719)
12. Susanne, M. Cadera & Andrew, Samuel Walsh (2022), “Retranslation and Reception - a Theoretical Overview”, *Retranslation and Reception: Studies in a European Context*, Brill.
13. Trần Đình Sử (2000), “Phế đô - một tiểu thuyết gây nhiều tranh cãi ở Trung Quốc”, *Văn nghệ*, số 2, ngày 8/1/2000, tr. 6.
14. Tianzhen, Xie (2017), “Medio-translatology: New perspectives on comparative literature and translation studies”, *Comparative Literature: East & West*, 2017, Vol. 1, No. 1, pp. 125-133.
15. 裴氏翠芳 (2012), “中国现当代文学在越南” [J], 博士论文, 华东师范大学.